

AE.88250 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8825	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	44	44	44	44
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,97	1,05	1,14	1,20
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8825	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	44	44	44	44
		Vữa	m ³	0,108	0,108	0,108	0,108
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,97	1,05	1,14	1,20
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88260 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (20 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8826	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	39	39	39	39
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,94	1,02	1,11	1,16
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.88270 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8827	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	31	31	31	31
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,90	0,97	1,06	1,10
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8827	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	31	31	31	31
		Vữa	m ³	0,083	0,083	0,083	0,083
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,90	0,97	1,06	1,10
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88310 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8831	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	71	71	71	71
		Vữa	m ³	0,073	0,073	0,073	0,073
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,13	1,24	1,36	1,42
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8831	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	61	61	61	61
		Vữa	m ³	0,216	0,216	0,216	0,216
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,05	1,13	1,24	1,29
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,029	0,029	0,029	0,029
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88320 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (10 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8832	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	53	53	53	53
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,02	1,11	1,22	1,27
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8832	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	48	48	48	48
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,98	1,06	1,17	1,21
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,024	0,024	0,024	0,024
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88330 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8833	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	42	42	42	42
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,96	1,04	1,13	1,19
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8833	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	40	40	40	40
		Vữa	m ³	0,141	0,141	0,141	0,141
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,95	1,03	1,12	1,17
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,020	0,020	0,020	0,020
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88340 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8834	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	35	35	35	35
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,92	1,00	1,08	1,13
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8834	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	34	34	34	34
		Vữa	m ³	0,120	0,120	0,120	0,120
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,91	0,98	1,07	1,12
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,017	0,017	0,017	0,017
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88350 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8835	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	30	30	30	30
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,89	0,96	1,05	1,09
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8835	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	29	29	29	29
		Vữa	m ³	0,108	0,108	0,108	0,108
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,88	0,95	1,04	1,08
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88360 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (20 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8836	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	26	26	26	26
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,85	0,91	1,00	1,04
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8836	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	26	26	26	26
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,85	0,91	1,00	1,04
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88370 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25 x 30 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8837	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	21	21	21	21
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,75	0,81	0,89	0,92
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8837	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	21	21	21	21
		Vữa	m ³	0,083	0,083	0,083	0,083
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,75	0,81	0,89	0,92
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,014	0,014	0,014	0,014
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.89100 XÂY GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP BẰNG VỮA XÂY BÊ TÔNG NHẸ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa xây bê tông nhẹ, cưa, cắt gạch, xây theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (Vật liệu làm dàn giáo đã tính trong định mức).

- Định mức chưa bao gồm công tác sản xuất lắp dựng râu thép, thép giằng gia cố.

AE.89110 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP (7,5 x 17 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8911	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	196	196	196	196
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,042	0,042	0,042	0,042
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,51	1,65	1,81	1,89
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8911	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	188	188	188	188
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,080	0,080	0,080	0,080
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,49	1,61	1,76	1,83
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.89120 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP
(10 x 20 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8912	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	125	125	125	125
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,39	1,52	1,67	1,74
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.891	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	121	121	121	121
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,064	0,064	0,064	0,064
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,37	1,48	1,62	1,68
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.89130 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỐT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(15 x 10 x 30)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8913	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	210	210	210	210
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,067	0,067	0,067	0,067
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,53	1,65	1,81	1,88
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8913	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	214	214	214	214
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,049	0,049	0,049	0,049
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,54	1,68	1,85	1,93
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.89140 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP
(15 x 20 x 30)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8914	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	108	108	108	108
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,041	0,041	0,041	0,041
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,34	1,45	1,57	1,64
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8914	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	107	107	107	107
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,050	0,050	0,050	0,050
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,33	1,43	1,56	1,63
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.89150 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(20 x 10,5 x 40)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8915	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	113	113	113	113
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,061	0,061	0,061	0,061
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,34	1,45	1,57	1,64
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8915	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	116	116	116	116
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,35	1,46	1,59	1,66
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.89160 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP
(20 x 22 x 40)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8916	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	56	56	56	56
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,036	0,036	0,036	0,036
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,13	1,22	1,34	1,40
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 22 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8916	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	55	55	55	55
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,12	1,21	1,32	1,38
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.89500 XÂY GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP BẰNG VỮA THÔNG THƯỜNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa thông thường bằng máy trộn, cưa, cắt gạch, xây theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (Vật liệu làm dàn giáo đã tính trong định mức).

Định mức chưa bao gồm công tác sản xuất lắp dựng râu thép, thép giằng gia cố.

AE.89510 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP (7,5 x 17 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8951	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	183	183	183	183
		Vữa	m ³	0,107	0,107	0,107	0,107
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,49	1,63	1,79	1,86
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8951	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	165	165	165	165
		Vữa	m ³	0,226	0,226	0,226	0,226
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,47	1,58	1,73	1,81
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,029	0,029	0,029	0,029
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.89520 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP (10 x 20 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8952	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	118	118	118	118
		Vữa	m ³	0,108	0,108	0,108	0,108
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,40	1,53	1,68	1,75
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4